TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN H** **TỈNH KIÊN G** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/DSST
Ngày 07/9/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN G

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Rô Be**

Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên toà:* không tham gia.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-DS ngày 20/8/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Tạ Thị Ánh H**, sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22 đường Chu Văn A, phường Mỹ L, TP. Long X, tỉnh An G.

** Bị đơn:* Bà **Lăng Thị T,** sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 119, Tổ 02, khu phố Kinh B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị Ánh H trình bày:***

Nguyên trước đây từ năm 2013 đến 2016, chị Lăng Thị T có mua hàng của bà cụ thể là bao, lưới, dụng cụ phơi lúa để bán lại, sau đó chị T không bán nữa và hai bên có ngồi tính toán lại thì số tiền chị T còn thiếu của bà H là 16.490.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Ngày 23/3/2016 chị T có viết tờ cam kết và hứa trả

cho bà H mỗi tháng là 300.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ 30/3/2016, sau đó chị T không thực hiện như đã cam kết, bà H có đòi nhiều lần thì chị T trả cho bà H nhiều lần được tổng cộng là 5.500.000 đồng sau đó thì chị T không trả nữa, bà H có làm đơn gửi ban lãnh đạo khu phố kinh B mời hai bên lên giải quyết, nhưng chị T chỉ hứa cho qua chuyện mà không trả tiền cho bà H. Đến ngày 04/7/2018 chị T có làm giấy xác nhận còn nợ của bà H số tiền là 10.990.000 đồng.

Nay bà Hồng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lăng Thị T trả cho bà số tiền 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*), trả đủ một lần và không yêu cầu tính lãi, bà H chỉ yêu cầu chị T trả số nợ trên, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ.

**** Bị đơn chị Lăng Thị T trình bày:***

Qua lời trình bày của bà H về việc trước đây chị có mua bán với bà H là đúng. Trước đây từ năm 2013 đến năm 2016 chị T có mua các mặt hàng bao, lưới, dụng cụ phơi lúa của bà Tạ Thị Ánh H về để bán lại, sau đó do buôn bán không được nên chị T ngưng không bán và giữa chị T và bà H có tính toán lại thì chị T còn nợ của bà H số tiền là 16.490.000 (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*), sau đó chị T có trả nhiều lần cho bà H được tổng cộng số tiền là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), chị T có xin trả dần cho bà H mỗi tháng là 300.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị T không thể tiếp tục trả cho bà H,

Nay chị Thanh thừa nhận còn nợ của bà H số tiền là 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn nên chị T xin trả dần cho bà H mỗi tháng là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Tạ Thị Ánh H và chị Lăng Thị T là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà H yêu cầu chị T trả số tiền còn thiếu 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy trước đây bà H có bán các mặt hàng dụng cụ phơi lúa cho chị T nhiều lần, đến tháng 3/2016 hai bên tính toán lại với nhau và thống nhất chị T còn nợ của bà H số tiền là 16.490.000 (*Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*), sau đó chị T đã trả cho bà H nhiều lần được số tiền là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà H và chị T thống nhất hiện nay chị T còn nợ của bà H số tiền là 10.990.000 đồng (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn*

đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[3] Xét lời khai của chị T cho rằng hiện nay kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn, chị T xin trả dần cho bà H mỗi tháng là 200.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị T xin trả dần số tiền trên không được bà H đồng ý, nên yêu cầu của chị T không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây bà H đã đồng ý để cho chị T trả dần số tiền còn thiếu, nhưng chị T không thực hiện đúng theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H. Hội đồng xét xử xét thống nhất buộc chị T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Án phí tính như sau: 10.990.000đ x 5% = 549.500đ (*Năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

- Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005106 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc chị T phải nộp 549.500đ (*Năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 351, 430, 440 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ánh H.

2. Bác lời khai nại của chị Lăng Thị T.

3. Buộc chị Lăng Thị T trả cho bà Tạ Thị Ánh H tổng cộng số tiền là 10.990.000đ (*Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho bà Tạ Thị Ánh H số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0005106 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc chị Lăng Thị T phải nộp 549.500đ (*Năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên G;*
- *VKS nhân dân huyện Tân H;*
- *Chi cục THA huyện Tân H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái